

Phụ lục A

HẠN NGẠCH THUẾ QUAN CỦA MA-LAI-XI-A

(Bản dịch không chính thức của Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương)

Phụ lục A

HẠN NGẠCH THUẾ QUAN CỦA MA-LAI-XI-A

Phần A: Quy định chung

1. Phụ lục này quy định Hạn ngạch thuế quan (TRQs) mà Ma-lai-xi-a sẽ áp dụng đối với một số hàng hóa có xuất xứ theo Hiệp định này. Cụ thể, hàng hóa có xuất xứ của các Bên theo Hiệp định nằm trong Phụ lục này sẽ thay cho mức thuế được chi tiết tại Chương 1 đến chương 97 của Chỉ thị về thuế hải quan và phân loại thương mại của Ma-lai-xi-a (MCDO). Không xét đến bất kỳ quy định nào của MCDO, hàng hóa có xuất xứ của các Bên của Hiệp định theo số lượng được mô tả trong Phụ lục này sẽ được cho phép nhập khẩu vào lãnh thổ của Ma-lai-xi-a theo quy định của Phụ lục này.

2. Theo Biểu Lộ trình này, hàng hóa nằm trong từng TRQ nêu bên dưới được chính thức xác định trong tiêu đề cho khoản đặt ra các hạn ngạch thuế. Những tiêu đề này được bao gồm chỉ duy nhất để giúp người đọc hiểu Phụ lục này và sẽ không thay đổi hoặc thay thế các phạm vi được thành lập thông qua việc xác định các mã số nằm trong Hệ thống mã số hài hoà của Ma-lai-xi-a.

3. Ma-lai-xi-a sẽ quản lý tất cả TRQs quy định trong Hiệp định thông qua hệ thống cấp phép nhập khẩu.

4. Từng TRQ nêu bên dưới của Phần B theo Phụ lục này sẽ áp dụng cho tất cả số lượng tổng của hàng hóa có xuất xứ.

5. Theo mục đích của Phụ lục này, thuật ngữ “ki-lô-gram” sẽ được viết tắt là “kg”. Thuật ngữ “đơn vị” theo TRQ-MY12 đến TRQ-MY15 nghĩa là 1 quả trứng, sẽ được viết tắt là “u”.

Phần B – TRQs

6. TRQ-MY1: Gà già thuộc loại *Gallus Domesticus* trong lượng ít hơn 185 gram: Loại khác

(a) Các TRQ mô tả trong khoản này được chỉ định trong các Phụ lục của Ma-lai-xi-a đối với Phụ lục 2-D (Cam kết thuế) với việc chỉ "TRQ-MY1".

(b) Số lượng tổng của hàng hóa có xuất xứ của khu vực TPP được mô tả trong mục (d) mà được phép nhập khẩu miễn thuế trong một năm cụ thể được quy định dưới đây:

| Năm hạn ngạch | Tổng lượng hạn ngạch hàng năm (con) |
|----------------------|--|
| 1 | 2.000.000 |

Bắt đầu từ năm thứ 2, lượng sẽ tăng 1% mỗi năm, cộng dồn hàng năm.

(c) Thuế quan đối với hàng hóa có xuất xứ của các Bên TPP được mô tả trong mục (d) nhập vào số lượng tổng hợp vượt quá số lượng được liệt kê trong mục (b) sẽ được giảm sau 16 năm, từ mức thuế cơ sở xuống 10%, và thuế quan cho các hàng hóa được giới hạn ở mức 10% hiệu lực từ ngày 01 tháng 1 của năm thứ 16.

(d) Điều (a) đến (c) áp dụng đối với quy định MCDO sau: 010511900

7. TRQ-MY2: Gà thuộc loài *Gallus domesticus* trong lượng không hơn 2.000 gram

(a) Các TRQ mô tả trong khoản này được chỉ định trong các Phụ lục của Ma-lai-xi-a đối với Phụ lục 2-D (Cam kết thuế) với việc chỉ "TRQ-MY2".

(b) Số lượng tổng của hàng hóa có xuất xứ của khu vực TPP được mô tả trong mục (d) mà được phép nhập khẩu miễn thuế trong một năm cụ thể được quy định dưới đây:

| Năm hạn ngạch | Tổng lượng hạn ngạch hàng năm (con) |
|----------------------|--|
| 1 | 30.000 |

Bắt đầu từ năm thứ 2, lượng sẽ tăng 1% mỗi năm, cộng dồn hàng năm.

(c) Thuế quan đối với hàng hóa có xuất xứ của các Bên TPP được mô tả trong mục (d) nhập vào số lượng tổng hợp vượt quá số lượng được liệt kê trong mục (b) sẽ được giảm sau 6 năm, từ mức thuế cơ sở xuống 10%, và thuế quan cho các hàng hóa được giới hạn ở mức 10% hiệu lực từ ngày 01 tháng 1 của năm thứ 6.

(d) Điểm (a) đến (c) áp dụng đối với quy định MCDO sau: 010594190

8. TRQ-MY3: Thịt lợn, tươi hoặc ướp lạnh – Thịt cả hoặc nửa con

(a) Các TRQ mô tả trong khoản này được chỉ định trong các Phụ lục của Ma-lai-xi-a đối với Phụ lục 2-D (Cam kết thuế) với việc chỉ "TRQ-MY3".

(b) Số lượng tổng của hàng hóa có xuất xứ của khu vực TPP được mô tả trong mục (d) mà được phép nhập khẩu miễn thuế trong một năm cụ thể được quy định dưới đây:

| Năm hạn ngạch | Tổng lượng hạn ngạch hàng năm (kg) |
|----------------------|---|
| 1 | 2.000 |

Bắt đầu từ năm thứ 2, lượng sẽ tăng 1% mỗi năm, cộng dồn hàng năm.

(c) Thuế quan đối với hàng hóa nhập vào số lượng tổng hợp vượt quá số lượng được liệt kê trong mục (b) sẽ được xóa bỏ theo danh mục cắt giảm TRQ, B16 theo mô tả tại khoản (i) của Chú thích chung của Lộ trình cắt giảm thuế quan của Ma-lai-xi-a (Xóa bỏ thuế quan).

(d) Điểm (a) đến (c) áp dụng đối với quy định MCDO sau: 020311000

9. TRQ-MY4: Thịt lợn, đông lạnh – Thịt cả hoặc nửa con

(a) Các TRQ mô tả trong khoản này được chỉ định trong các Phụ lục của Ma-lai-xi-a đối với Phụ lục 2-D (Cam kết thuế) với việc chỉ "TRQ-MY4".

(b) Số lượng tổng của hàng hóa có xuất xứ của khu vực TPP được mô tả trong mục (d) mà được phép nhập khẩu miễn thuế trong một năm cụ thể được quy định dưới đây:

| Năm hạn ngạch | Tổng lượng hạn ngạch hàng năm (kg) |
|----------------------|---|
| 1 | 200.000 |

Bắt đầu từ năm thứ 2, lượng sẽ tăng 1% mỗi năm, cộng dồn hàng năm.

(c) Thuế quan đối với hàng hóa nhập vào số lượng tổng hợp vượt quá số lượng được liệt kê trong mục (b) sẽ được xóa bỏ theo danh mục cắt giảm TRQ, B16 theo mô tả tại khoản (i) của Chú thích chung của Lộ trình cắt giảm thuế quan của Ma-lai-xi-a (Xóa bỏ thuế quan).

(d) Điểm (a) đến (c) áp dụng đối với quy định MCDO sau: 020321000

10. TRQ-MY5: Thịt gà của các loài Gallus domesticus không cắt ra từng mảnh, tươi hoặc ướp lạnh

(a) Các TRQ mô tả trong khoản này được chỉ định trong các Phụ lục của Ma-lai-xi-a đối với Phụ lục 2-D (Cam kết thuế) với việc chỉ "TRQ-MY5".

(b) Số lượng tổng của hàng hóa có xuất xứ của khu vực TPP được mô tả trong mục (d) mà được phép nhập khẩu miễn thuế trong một năm cụ thể được quy định dưới đây:

| Năm hạn ngạch | Tổng lượng hạn ngạch hàng năm (kg) |
|----------------------|---|
| 1 | 2.000 |

Bắt đầu từ năm thứ 2, lượng sẽ tăng 1% mỗi năm, cộng dồn hàng năm.

(c) Thuế quan đối với hàng hóa có xuất xứ của các Bên TPP được mô tả trong mục (d) nhập vào số lượng tổng hợp vượt quá số lượng được liệt kê trong mục (b) sẽ được giảm sau 16 năm, từ mức thuế cơ sở xuống 20%, và thuế quan cho các hàng hóa được giới hạn ở mức 20% hiệu lực từ ngày 01 tháng 1 của năm thứ 16.

(d) Điểm (a) đến (c) áp dụng đối với quy định MCDO sau: 020711000

11. TRQ-MY6: Thịt gà của các loài *Gallus domesticus* không cắt ra từng mảnh, đông lạnh

(a) Các TRQ mô tả trong khoản này được chỉ định trong các Phụ lục của Ma-lai-xi-a đối với Phụ lục 2-D (Cam kết thuế) với việc chỉ "TRQ-MY6".

(b) Số lượng tổng của hàng hóa có xuất xứ của khu vực TPP được mô tả trong mục (d) mà được phép nhập khẩu miễn thuế trong một năm cụ thể được quy định dưới đây:

| Năm hạn ngạch | Tổng lượng hạn ngạch hàng năm (kg) |
|----------------------|---|
| 1 | 400.000 |

Bắt đầu từ năm thứ 2, lượng sẽ tăng 1% mỗi năm, cộng dồn hàng năm.

(c) Thuế quan đối với hàng hóa có xuất xứ của các Bên TPP được mô tả trong mục (d) nhập vào số lượng tổng hợp vượt quá số lượng được liệt kê trong mục (b) sẽ được giảm sau 16 năm, từ mức thuế cơ sở xuống 20%, và thuế quan cho các hàng hóa được giới hạn ở mức 20% hiệu lực từ ngày 01 tháng 1 của năm thứ 16.

(d) Điểm (a) đến (c) áp dụng đối với quy định MCDO sau: 020712000

12. TRQ-MY7: Đã chặt mảnh có thể ăn và phụ phẩm của gà thuộc loài *Gallus domesticus*, tươi hoặc ướp lạnh

(a) Các TRQ mô tả trong khoản này được chỉ định trong các Phụ lục của Ma-lai-xi-a đối với Phụ lục 2-D (Cam kết thuế) với việc chỉ "TRQ-MY7".

(b) Số lượng tổng của hàng hóa có xuất xứ của khu vực TPP được mô tả trong mục (d) mà được phép nhập khẩu miễn thuế trong một năm cụ thể được quy định dưới đây:

| Năm hạn ngạch | Tổng lượng hạn ngạch hàng năm (kg) |
|----------------------|---|
|----------------------|---|

| | |
|---|--------|
| 1 | 50.000 |
|---|--------|

Bắt đầu từ năm thứ 2, lượng sẽ tăng 1% mỗi năm, cộng dồn hàng năm.

(c) Thuế quan đối với hàng hóa có xuất xứ của các Bên TPP được mô tả trong mục (d) nhập vào số lượng tổng hợp vượt quá số lượng được liệt kê trong mục (b) sẽ được giảm sau 6 năm, từ mức thuế cơ sở xuống 20%, và thuế quan cho các hàng hóa được giới hạn ở mức 20% hiệu lực từ ngày 01 tháng 1 của năm thứ 6.

(d) Điểm (a) đến (c) áp dụng đối với quy định MCDO sau: 020713000

13. TRQ-MY8: *Đã chặt mảnh có thể ăn và phụ phẩm của gà thuộc loài Gallus domesticus, đông lạnh*

(a) Các TRQ mô tả trong khoản này được chỉ định trong các Phụ lục của Ma-lai-xi-a đối với Phụ lục 2-D (Cam kết thuế) với việc chỉ "TRQ-MY8".

(b) Số lượng tổng của hàng hóa có xuất xứ của khu vực TPP được mô tả trong mục (d) mà được phép nhập khẩu miễn thuế trong một năm cụ thể được quy định dưới đây:

| Năm hạn ngạch | Tổng lượng hạn ngạch hàng năm (kg) |
|----------------------|---|
|----------------------|---|

| | |
|---|------------|
| 1 | 20.000.000 |
|---|------------|

Bắt đầu từ năm thứ 2, lượng sẽ tăng 1% mỗi năm, cộng dồn hàng năm.

(c) Thuế quan đối với hàng hóa có xuất xứ của các Bên TPP được mô tả trong mục (d) nhập vào số lượng tổng hợp vượt quá số lượng được liệt kê trong mục (b) sẽ được giảm sau 11 năm, từ mức thuế cơ sở xuống 20%, và thuế quan cho các hàng hóa được giới hạn ở mức 20% hiệu lực từ ngày 01 tháng 1 của năm thứ 11.

(d) Điểm (a) đến (c) áp dụng đối với quy định MCDO sau: 020714000

**14. TRQ-MY9: Theo hàm lượng chất béo, theo trọng lượng, không quá 1%:
Sữa: Chất lỏng**

(a) Các TRQ mô tả trong khoản này được chỉ định trong các Phụ lục của Ma-lai-xi-a đối với Phụ lục 2-D (Cam kết thuế) với việc chỉ "TRQ-MY9".

(b) Số lượng tổng của hàng hóa có xuất xứ của khu vực TPP được mô tả trong mục (d) mà được phép nhập khẩu miễn thuế trong một năm cụ thể được quy định dưới đây:

| Năm hạn ngạch | Tổng lượng hạn ngạch hàng năm (lít) |
|----------------------|--|
| 1 | 300.000 |

Bắt đầu từ năm thứ 2, lượng sẽ tăng 1% mỗi năm, cộng dồn hàng năm.

(c) Thuế quan đối với hàng hóa nhập vào số lượng tổng hợp vượt quá số lượng được liệt kê trong mục (b) sẽ được xóa bỏ theo danh mục cắt giảm TRQ, B16 theo mô tả tại khoản (i) của Chú thích chung của Lộ trình cắt giảm thuế quan của Ma-lai-xi-a (Xóa bỏ thuế quan).

(d) Điểm (a) đến (c) áp dụng đối với quy định MCDO sau: 040110100

15. TRQ-MY10: Theo hàm lượng chất béo, theo trọng lượng, trên 1% nhưng không quá 6%: Sữa: Chất lỏng

(a) Các TRQ mô tả trong khoản này được chỉ định trong các Phụ lục của Ma-lai-xi-a đối với Phụ lục 2-D (Cam kết thuế) với việc chỉ "TRQ-MY10".

(b) Số lượng tổng của hàng hóa có xuất xứ của khu vực TPP được mô tả trong mục (d) mà được phép nhập khẩu miễn thuế trong một năm cụ thể được quy định dưới đây:

| Năm hạn ngạch | Tổng lượng hạn ngạch hàng năm (lít) |
|----------------------|--|
| 1 | 2.000.000 |

Bắt đầu từ năm thứ 2, lượng sẽ tăng 1% mỗi năm, cộng dồn hàng năm.

(c) Thuế quan đối với hàng hóa nhập vào số lượng tổng hợp vượt quá số lượng được liệt kê trong mục (b) sẽ được xóa bỏ theo danh mục cắt giảm TRQ, B16 theo mô tả tại khoản (i) của Chú thích chung của Lộ trình cắt giảm thuế quan của Ma-lai-xi-a (Xóa bỏ thuế quan).

(d) Điểm (a) đến (c) áp dụng đối với quy định MCDO sau: 040120100

16. TRQ-MY11: Theo hàm lượng chất béo, theo trọng lượng, trên 6%: Sữa: Chất lỏng

(a) Các TRQ mô tả trong khoản này được chỉ định trong các Phụ lục của Ma-lai-xi-a đối với Phụ lục 2-D (Cam kết thuế) với việc chỉ "TRQ-MY11".

(b) Số lượng tổng của hàng hóa có xuất xứ của khu vực TPP được mô tả trong mục (d) mà được phép nhập khẩu miễn thuế trong một năm cụ thể được quy định dưới đây:

| Năm hạn ngạch | Tổng lượng hạn ngạch hàng năm (lít) |
|----------------------|--|
| 1 | 1.000.000 |

Bắt đầu từ năm thứ 2, lượng sẽ tăng 1% mỗi năm, cộng dồn hàng năm.

(c) Thuế quan đối với hàng hóa nhập vào số lượng tổng hợp vượt quá số lượng được liệt kê trong mục (b) sẽ được xóa bỏ theo danh mục cắt giảm TRQ, B16 theo mô tả tại khoản (i) của Chú thích chung của Lộ trình cắt giảm thuế quan của Ma-lai-xi-a (Xóa bỏ thuế quan).

(d) Điểm (a) đến (c) áp dụng đối với quy định MCDO sau: 040140110

17. TRQ-MY12: Để ấp: Trứng gà

(a) Các TRQ mô tả trong khoản này được chỉ định trong các Phụ lục của Ma-lai-xi-a đối với Phụ lục 2-D (Cam kết thuế) với việc chỉ "TRQ-MY12".

(b) Số lượng tổng của hàng hóa có xuất xứ của khu vực TPP được mô tả trong mục (d) mà được phép nhập khẩu miễn thuế trong một năm cụ thể được quy định dưới đây:

| Năm hạn ngạch | Tổng lượng hạn ngạch hàng năm (quả) |
|----------------------|--|
| 1 | 70.000 |

Bắt đầu từ năm thứ 2, lượng sẽ tăng 1% mỗi năm, cộng dồn hàng năm.

(c) Thuế quan đối với hàng hóa có xuất xứ của các Bên TPP được mô tả trong mục (d) nhập vào số lượng tổng hợp vượt quá số lượng được liệt kê trong mục (b) sẽ được giảm sau 11 năm, từ mức thuế cơ sở xuống 25%, và thuế quan cho các hàng hóa được giới hạn ở mức 25% hiệu lực từ ngày 01 tháng 1 của năm thứ 11.

(d) Điểm (a) đến (c) áp dụng đối với quy định MCDO sau: 040711000

18. TRQ-13: Trúng vị trong vỏ để áp

(a) Các TRQ mô tả trong khoản này được chỉ định trong các Phụ lục của Ma-lai-xi-a đối với Phụ lục 2-D (Cam kết thuế) với việc chỉ "TRQ-MY13".

(b) Số lượng tổng của hàng hóa có xuất xứ của khu vực TPP được mô tả trong mục (d) mà được phép nhập khẩu miễn thuế trong một năm cụ thể được quy định dưới đây:

| Năm hạn ngạch | Tổng lượng hạn ngạch hàng năm (quả) |
|----------------------|--|
| 1 | 70.000 |

Bắt đầu từ năm thứ 2, lượng sẽ tăng 1% mỗi năm, cộng dồn hàng năm.

(c) Thuế quan đối với hàng hóa có xuất xứ của các Bên TPP được mô tả trong mục (d) nhập vào số lượng tổng hợp vượt quá số lượng được liệt kê trong mục (b) sẽ được giảm sau 11 năm, từ mức thuế cơ sở xuống 25%, và thuế quan cho các hàng hóa được giới hạn ở mức 25% hiệu lực từ ngày 01 tháng 1 của năm thứ 11.

(d) Điểm (a) đến (c) áp dụng đối với quy định MCDO sau: 040719100

19. TRQ-MY14: Trứng gà loại khác

(a) Các TRQ mô tả trong khoản này được chỉ định trong các Phụ lục của Ma-lai-xi-a đối với Phụ lục 2-D (Cam kết thuế) với việc chỉ "TRQ-MY14".

(b) Số lượng tổng của hàng hóa có xuất xứ của khu vực TPP được mô tả trong mục (d) mà được phép nhập khẩu miễn thuế trong một năm cụ thể được quy định dưới đây:

| Năm hạn ngạch | Tổng lượng hạn ngạch hàng năm (quả) |
|----------------------|--|
| 1 | 200.000 |

Bắt đầu từ năm thứ 2, lượng sẽ tăng 1% mỗi năm, cộng dồn hàng năm.

(c) Thuế quan đối với hàng hóa có xuất xứ của các Bên TPP được mô tả trong mục (d) nhập vào số lượng tổng hợp vượt quá số lượng được liệt kê trong mục (b) sẽ được giảm sau 11 năm, từ mức thuế cơ sở xuống 25%, và thuế quan cho các hàng hóa được giới hạn ở mức 25% hiệu lực từ ngày 01 tháng 1 của năm thứ 11.

(d) Điều (a) đến (c) áp dụng đối với quy định MCDO sau: 040729100 và 040700910

20. TRQ-15: Trứng vịt trong vỏ, đã bảo quản hoặc nấu chín – loại khác

(a) Các TRQ mô tả trong khoản này được chỉ định trong các Phụ lục của Ma-lai-xi-a đối với Phụ lục 2-D (Cam kết thuế) với việc chỉ "TRQ-MY15".

(b) Số lượng tổng của hàng hóa có xuất xứ của khu vực TPP được mô tả trong mục (d) mà được phép nhập khẩu miễn thuế trong một năm cụ thể được quy định dưới đây:

| Năm hạn ngạch | Tổng lượng hạn ngạch hàng năm (quả) |
|----------------------|--|
| 1 | 200.000 |

Bắt đầu từ năm thứ 2, lượng sẽ tăng 1% mỗi năm, cộng dồn hàng năm.

(c) Thuế quan đối với hàng hóa có xuất xứ của các Bên TPP được mô tả trong mục (d) nhập vào số lượng tổng hợp vượt quá số lượng được liệt kê trong mục (b) sẽ được giảm sau 11 năm, từ mức thuế cơ sở xuống 25%, và thuế quan cho các hàng hóa được giới hạn ở mức 25% hiệu lực từ ngày 01 tháng 1 của năm thứ 11.

(d) Điểm (a) đến (c) áp dụng đối với quy định MCDO sau: 040729100 và 040700920